



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3121.1942>

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG TÍCH HỢP GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG DẠY HỌC THEO PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC DỰ ÁN CHO HỌC SINH LỚP 4

Nguyễn Minh Giang^{1*}, Nguyễn Ngọc Như Hoa²

¹Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Trường TH-THCS-THPT Nam Mỹ, Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: giangnm@hcmue.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 15/01/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 05/3/2026; Ngày duyệt đăng: 10/3/2026

Tóm tắt

Nghiên cứu khảo sát thực trạng triển khai tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường theo phương pháp dạy học dự án. Đối tượng khảo sát gồm 163 giáo viên tại các trường tiểu học ở Thành phố Hồ Chí Minh và 100 học sinh lớp 4 tại trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Nam Mỹ. Kết quả cho thấy giáo viên có nhận thức đúng đắn và thái độ tích cực đối với việc tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường, đồng thời thường xuyên lồng ghép nội dung này trong dạy học và vận dụng phương pháp dạy học dự án để tổ chức các hoạt động học tập về bảo vệ môi trường. Giáo viên ưu tiên tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ môi trường theo hướng hành động cụ thể và ít đầu tư xây dựng hệ thống kiến thức - kỹ năng - thái độ - hành động một cách đồng bộ khi tổ chức dạy học. Giáo viên đánh giá cao hiệu quả của phương pháp dạy học dự án trong việc phát triển năng lực, phẩm chất và ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh. Học sinh thể hiện hứng thú, thái độ tích cực và tinh thần chủ động khi tham gia các hoạt động học tập gắn với môi trường, đặc biệt yêu thích những hoạt động mang tính trải nghiệm và sáng tạo. Tuy nhiên, việc triển khai còn gặp một số khó khăn về thời gian, tài liệu giảng dạy và một số kỹ năng của học sinh. Những kết quả này là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các hoạt động tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường phù hợp và hiệu quả hơn trong dạy học cho học sinh tiểu học.

Từ khóa: giáo dục bảo vệ môi trường, phương pháp dạy học dự án, giáo viên, thực trạng, học sinh lớp 4, tiểu học, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trích dẫn: Nguyễn, M. G., & Nguyễn, N. N. H. (2026). Nghiên cứu thực trạng tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường trong dạy học theo phương pháp dạy học dự án cho học sinh lớp 4. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp - Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn, Online First*, 1-16. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3121.1942>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

RESEARCH THE CURRENT SITUATION OF INTEGRATING ENVIRONMENTAL EDUCATION INTO PROJECT-BASED TEACHING FOR GRADE 4 STUDENTS

Nguyen Minh Giang^{1*}, Nguyen Ngoc Nhu Hoa²

¹*Faculty of Primary Education, Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam.*

²*South American Primary - Middle - High School, Binh Loi Trung, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

**Corresponding author, Email: giangnm@hcmue.edu.vn*

Article history

Received: 15/01/2026; Received in revised form: 05/3/2026; Accepted: 10/3/2026

Abstract

This study investigates the current status of integrating environmental education through the project-based learning (PBL) approach. The research sample includes 163 primary school teachers in Ho Chi Minh City and 100 students from Nam My Primary – Secondary – High School. The findings reveal that teachers possess a sound understanding of environmental education and demonstrate positive attitudes toward its integration. They regularly incorporate environmental content into their teaching and apply PBL methods to organize learning activities focused on environmental protection. Teachers prioritize integrating environmental education content in a specific action-oriented manner and invest less in building a synchronous system of knowledge, skills, attitudes, and actions. Furthermore, teachers highly appreciate the effectiveness of this approach in developing students' competencies, personal qualities, and environmental awareness. Students show strong interest, positive attitudes, and active participation in environment-related learning activities, especially those involving experiential and creative tasks. However, the implementation still faces several challenges, including limited instructional time, insufficient teaching materials, and gaps in students' skills. These findings provide important practical evidence to inform the design of more appropriate and effective environmental education integration activities in primary education.

Keywords: *Environmental education, project-based learning, teachers, current situation, grade 4 students, primary education, Ho Chi Minh City.*

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, môi trường đang đứng trước nhiều thách thức nghiêm trọng như ô nhiễm, biến đổi khí hậu và suy giảm tài nguyên thiên nhiên, gây ảnh hưởng lớn đến đời sống con người và hệ sinh thái. Thực trạng này đã đặt ra yêu cầu cần tăng cường các giải pháp phát triển bền vững nhằm bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường. Trong đó, GDBVMT là nền tảng để hình thành nhận thức về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, bồi dưỡng thái độ tích cực và hành vi đúng đắn của con người đối với tự nhiên (Nandini, 2021). Nhận thức, thái độ và hành vi có mối liên hệ chặt chẽ, trong đó nhận thức đóng vai trò định hướng và ảnh hưởng trực tiếp đến thái độ, từ đó hình thành hành vi bảo vệ môi trường. Khi HS được nâng cao hiểu biết và ý thức sẽ có xu hướng thể hiện trách nhiệm cao hơn với các vấn đề môi trường (Boca, 2019).

Trước thực trạng đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022) đã ban hành Quyết định số 2718/QĐ-BGDĐT dựa trên Luật Bảo vệ Môi trường 2020, phê duyệt danh mục nhiệm vụ bảo vệ môi trường từ năm 2023, định hướng việc hình thành cho HS ý thức, thái độ và hành vi tích cực trong bảo vệ môi trường, đồng thời tích hợp nội dung này vào chương trình học và các hoạt động giáo dục nhằm xây dựng lối sống xanh và phát triển bền vững. Định hướng này hoàn toàn phù hợp với tinh thần của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, trong đó GDBVMT được xác định là nội dung giáo dục tích hợp xuyên suốt, góp phần phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, đặc biệt là phẩm chất trách nhiệm với bản thân, cộng đồng và môi trường sống thông qua các môn học. Đặc biệt ở bậc tiểu học, việc tích hợp GDBVMT vào chương trình học là bước đi quan trọng, đặt nền móng cho việc nâng cao ý thức và hành động bảo vệ môi trường hướng tới một xã hội phát triển bền vững.

Nhằm cụ thể hóa định hướng này, Bộ Tài nguyên và Môi trường cùng với Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành chương trình phối hợp giai đoạn 2019–2025 nhấn mạnh việc lồng ghép GDBVMT vào các môn học, hoạt động ngoại khóa và các cuộc thi trong nhà trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường & Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019). Chương trình đồng thời khuyến khích áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực, phẩm chất và thúc đẩy HS tham gia các hành động bảo vệ môi trường. Nhiều nghiên cứu đã quan tâm đến việc tích hợp GDBVMT vào các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường. Tác giả Nguyễn và cộng sự (2023) cho rằng nội dung GDBVMT cần được lồng ghép trong chương trình và các môn học nhằm giúp HS hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn đối với môi trường. Ở góc độ triển khai trong từng môn học cụ thể, nghiên cứu của Lê và cộng sự (2015) đã đề xuất việc tích hợp nội dung GDBVMT vào môn Lịch sử – Địa lí lớp 4 thông qua xác định các “địa chỉ tích hợp” trong bài học và vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp. Kết quả thực nghiệm cho thấy việc tích hợp này góp phần nâng cao nhận thức và hành vi bảo vệ môi trường của HS.

Trong thực tiễn, GV đã sử dụng rất nhiều các phương pháp dạy học tích cực để GDBVMT cho HS tiểu học. Các phương pháp dạy học trong giáo dục môi trường như học qua điều tra, mô hình 5E, dự án và trải nghiệm giúp HS chủ động khám phá, phân tích và giải quyết vấn đề thực tiễn về môi trường (N.C. Department of Environment and Natural Resources, 2014). Trong đó, phương pháp dạy học mang lại hiệu quả cao và đặc biệt phù hợp để tích hợp nội dung GDBVMT là PPDHDA. Theo tác giả Nguyễn và cộng sự (2013), PPDHDA tạo điều kiện cho HS chủ động giải quyết vấn đề, phát triển tư duy bậc cao, khả năng sáng tạo, làm việc khoa học và tự quản trong học tập. Trong quá trình đó, GV đóng vai trò hướng dẫn và hỗ trợ HS hình thành ý tưởng, thực hiện sản phẩm, đồng thời tổ chức đánh giá đồng đẳng và giúp các em rút kinh nghiệm từ thực tiễn (Nguyen, 2024).

Trong thực tế môi trường đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chịu nhiều áp lực, đặc biệt về chất lượng không khí và môi trường nước. Thực trạng này đặt ra yêu cầu tăng cường giáo dục bảo vệ môi trường cho HS tiểu học. Tuy nhiên, việc tích hợp GDBVMT trong dạy

học lớp 4 theo PPDHDA đã được triển khai nhưng chưa đồ bộ nên hiệu quả chưa cao. Vì vậy, nghiên cứu tiến hành khảo sát GV và HS nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả tích hợp GDBVMT gắn với thực tiễn.

2. Nội dung

2.1. Các khái niệm

2.1.1. Giáo dục bảo vệ môi trường

Theo UNESCO (1978), GDBVMT là một quá trình tạo dựng cho con người những nhận thức và mối quan tâm đối với các vấn đề môi trường, sao cho mỗi người đều có đủ trình độ kiến thức, thái độ, kỹ năng để có thể nảy sinh trong tương lai. Trong nghiên cứu này, khái niệm GDBVMT được hiểu là quá trình bồi dưỡng nhận thức và khơi gợi sự quan tâm sâu sắc của người học đối với các vấn đề sinh thái. Từ nền tảng tri thức đó, người học hình thành thái độ trách nhiệm và các hành vi tích cực nhằm bảo vệ môi trường sống.

2.1.2. Phương pháp dạy học dự án

Học tập theo dự án là một phương pháp học tập dựa trên việc giao một dự án cho người học và cần hợp tác với nhau để tạo nên một sản phẩm, một bài thuyết trình hoặc một dạng thể hiện nào đó sau khi hoàn thành nội dung học tập (Đặng, 2023). Học tập qua dự án là một phương pháp tiếp cận trong đó người học đạt được kiến thức và các kỹ năng thông qua làm việc trong một khoảng thời gian dài để nghiên cứu và trả lời cho một câu hỏi phức hợp, một vấn đề, hoặc giải quyết thử thách” (Hoàng, 2019).

Trong nghiên cứu này, dạy học dự án được xác định là phương pháp lấy người học làm trung tâm, trong đó HS chủ động hợp tác để giải quyết các vấn đề thực tiễn gắn với nội dung học tập. Với sự hướng dẫn của GV, người học thể hiện tính tự lực cao thông qua việc thực hiện trọn vẹn tiến trình từ lập kế hoạch đến đánh giá, nhằm tạo ra sản phẩm học tập có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành.

2.1.3. Đặc điểm dạy học theo dự án

Theo tác giả Trịnh và cộng sự (2011), dạy học dự án được phân tích trên cơ sở lý luận và thực tiễn với những đặc điểm cơ bản: Lấy người học làm trung tâm; Dạy học thông qua các hoạt động thực tiễn; Tích hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm giải quyết một nhiệm vụ chung; Kết hợp làm việc cá nhân và hợp tác nhóm; Đồng thời, hướng tới sản phẩm cụ thể.

2.1.4. Quan điểm và mức độ tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường

Theo Staniskis và cộng sự (2007), GDBVMT cần được triển khai theo hướng tích hợp và liên ngành, gắn kết chặt chẽ giữa giảng dạy, nghiên cứu và thực tiễn, nhằm giúp người học hình thành tư duy hệ thống, nhận thức được mối quan hệ giữa phát triển và môi trường, đồng thời phát triển năng lực giải quyết vấn đề và trách nhiệm đối với phát triển bền vững. Tác giả Nguyễn và cộng sự (2023) cho rằng tích hợp GDBVMT được hiểu là việc lồng ghép kiến thức, kỹ năng và thái độ về bảo vệ môi trường vào môn học và hoạt động giáo dục một cách hợp lý. Từ những quan điểm trên, có thể thấy tích hợp GDBVMT là quá trình lồng ghép có hệ thống các nội dung môi trường vào các môn học và hoạt động giáo dục theo hướng liên ngành, gắn với thực tiễn. Sự tích hợp này hướng đến việc giúp HS hình thành kiến thức, kỹ năng và thái độ thống nhất về bảo vệ môi trường, phát triển tư duy hệ thống, năng lực giải quyết vấn đề và ý thức trách nhiệm đối với môi trường sống.

Theo Nguyễn và cộng sự (2013), ở giai đoạn tiểu học kiến thức về môi trường được tích hợp vào tất cả các môn học ở cả ba mức độ: mức độ toàn phần, mức độ bộ phận và mức độ

liên hệ.

2.1.5. Nội dung và phương pháp tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nội dung GDBVMT ở lớp 4 được tích hợp trong nhiều môn học ở cấp tiểu học và có thể khái quát thành ba nhóm chính: *Thứ nhất*, giáo dục bảo vệ các thành phần môi trường, bao gồm bảo vệ nguồn nước, bảo vệ không khí và hạn chế ô nhiễm tiếng ồn; *Thứ hai*, giáo dục bảo vệ sinh vật và cân bằng hệ sinh thái, thông qua việc tìm hiểu nhu cầu sống của thực vật, động vật và vai trò của thực vật trong chuỗi thức ăn; *Thứ ba*, giáo dục bảo vệ thiên nhiên và sử dụng hợp lý tài nguyên, tập trung vào vai trò của rừng đối với tự nhiên và đời sống con người, đồng thời định hướng học sinh đề xuất các biện pháp bảo vệ rừng và phòng chống một số thiên tai. Qua đó, chương trình hướng tới phát triển trách nhiệm và hành vi tích cực của học sinh trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Tác giả Nguyễn và cộng sự (2023) đã đề xuất một số phương pháp có thể vận dụng để dạy học tích hợp GDBVMT ở cấp Tiểu học như: dạy học tình huống; dạy học sử dụng phương tiện trực quan; Tham quan, tìm hiểu thực tế; Phương pháp dạy học dự án. Trong đó, PPDHDA có ưu thế trong việc gắn kiến thức với thực tiễn và tổ chức hoạt động học tập mang tính trải nghiệm. Phương pháp này phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS lớp 4 và định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của Chương trình GDPT 2018. Vì vậy, nghiên cứu lựa chọn PPDHDA để triển khai tích hợp GDBVMT cho HS lớp 4 trong dạy học ở tiểu học.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp khảo sát

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi nhằm thu thập dữ liệu thực tiễn về nhận thức và thực trạng triển khai tích hợp GDBVMT theo PPDHDA của GV và HS trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Các câu hỏi được thiết kế theo hướng định lượng, tập trung vào mức độ nhận thức, tần suất thực hiện và biểu hiện hành vi. Dữ liệu sau khi thu thập được mã hóa và xử lý bằng thống kê mô tả để phân tích tỉ lệ và mức độ phản hồi.

3.1.1. Khảo sát giáo viên

Phiếu khảo sát gồm 11 câu hỏi, chia thành ba nhóm: (1) nhận thức của GV về tích hợp GDBVMT theo PPDHDA (câu 1 – 4); (2) thực trạng triển khai tích hợp GDBVMT trong dạy học (câu 5 – 6); (3) tích hợp GDBVMT theo PPDHDA cho HS lớp 4 (câu 7 – 11). Khảo sát được thực hiện theo hình thức kết hợp phát phiếu trực tiếp và qua đường link Google form cho 163 GV dạy lớp 4 của 70 trường tiểu học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian khảo sát từ tháng 7 đến tháng 10 năm 2025.

3.1.2. Khảo sát học sinh

Phiếu khảo sát HS gồm 8 câu hỏi: (1) nhận thức về môi trường (câu 1 – 2); (2) hành động bảo vệ môi trường của HS (câu 3 – 8). Khảo sát được thực hiện theo hình thức phát phiếu trực tiếp cho HS tại trường TH-THCS-THPT Nam Mỹ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian khảo sát từ tháng 9 đến 10 năm 2025. Việc lựa chọn HS lớp 4 làm đối tượng nghiên cứu dựa trên đặc điểm tâm lí lứa tuổi, HS ở lứa tuổi này đã bước đầu hình thành tư duy logic, có khả năng hợp tác và bày tỏ quan điểm, phù hợp cho việc khảo sát nhận thức và hành vi bảo vệ môi trường. Đồng thời, theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nội dung GDBVMT ở lớp 4 được tích hợp trong nhiều môn học, tạo cơ sở thuận lợi để đánh giá hiệu quả việc vận dụng PPDHDA và quá trình hình thành trách nhiệm bảo vệ môi trường của HS.

3.2. Phương pháp xử lí số liệu

Dữ liệu khảo sát được xử lí bằng Microsoft Excel, sử dụng tỉ lệ phần trăm và điểm trung

binh (ĐTB) trên tổng số 163 GV và 100 HS.

Kết quả khảo sát được phân tích dựa trên thang đo Likert 5 mức đối với GV, với điểm trung bình (ĐTB) được quy đổi thành các mức độ định tính như sau: Từ 1,0 đến 1,8: Rất không quan trọng/Rất không phù hợp/Rất không đồng ý; Từ 1,8 đến 2,6: Không quan trọng/Không phù hợp/Hiếm khi; Từ 2,6 đến 3,4: Phân vân/Phù hợp/Thỉnh thoảng; Từ 3,4 đến 4,2: Quan trọng/Khá phù hợp/Thường xuyên; Từ 4,2 đến 5,0: Rất quan trọng/Rất phù hợp/Rất thường xuyên.

Kết quả khảo sát HS được phân tích dựa trên thang đo Likert 4 mức với ĐTB được quy đổi thành các mức độ định tính như sau: Từ 1,0 đến 1,8: Không bao giờ/Không thích; Từ 1,8 đến 2,5: Thỉnh thoảng/Bình thường; Từ 2,5 đến 3,2: Thường xuyên/Thích; Từ 3,2 đến 4,0: Rất thường xuyên/Rất thích.

Đồng thời, độ lệch chuẩn (ĐLC) được sử dụng để đánh giá sự biến động trong lựa chọn đáp án của GV và HS. Mức ĐLC lớn hơn 1 chỉ ra sự phân tán hoặc không đồng nhất trong ý kiến của GV và HS đối với một câu hỏi và ngược lại.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả khảo sát giáo viên

4.1.1. Nhận thức của giáo viên về tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường

a) Nhận thức của giáo viên về hình thức tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường

Nghiên cứu khảo sát 163 GV về hình thức tích hợp GDBVMT thu được trong bảng 1. Hầu hết GV (99,4%) lựa chọn việc tích hợp GDBVMT chính là lồng ghép nội dung vào các môn học và chỉ có 01 GV chọn đó là hoạt động ngoại khóa. Điều này cho thấy GV đã xác định đúng định hướng tiếp cận thực tế về hình thức tích hợp GDBVMT.

Bảng 1. Kết quả khảo sát GV về khái niệm tích hợp GDBVMT

Khái niệm	Số lượng GV	Tỉ lệ %
Giảng dạy riêng biệt các nội dung về bảo vệ môi trường	0	0,0
Lồng ghép các nội dung về bảo vệ môi trường vào các môn học/ bài học phù hợp	162	99,4
Tổ chức các hoạt động ngoại khóa về bảo vệ môi trường	1	0,6

b) Nhận thức của giáo viên về lợi ích và tầm quan trọng khi dạy học tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường

Nghiên cứu tiếp tục khảo sát GV về lợi ích và ý nghĩa của việc triển khai dạy học tích hợp GDBVMT cho HS tiểu học. Kết quả khảo sát chi tiết trong bảng 2.

Bảng 2. Kết quả khảo sát GV về lợi ích khi tích hợp GDBVMT

Các lợi ích	Số lượng GV	Tỉ lệ %
Giúp HS nâng cao nhận thức về các vấn đề môi trường	148	90,8
HS được hình thành thái độ tích cực, có trách nhiệm với môi trường sống xung quanh	144	88,3
Các hoạt động tích hợp GDBVMT giúp tăng sự hứng thú và chủ động học tập của HS	122	74,8

Rèn luyện cho HS năng lực giải quyết vấn đề, tư duy phản biện thông qua các tình huống môi trường thực tiễn	134	82,2
Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, nghiên cứu khoa học qua các dự án học tập tích hợp	124	76,1
Tạo điều kiện để GV đổi mới phương pháp dạy học	97	59,5

Kết quả khảo sát trong bảng 2 cho thấy lợi ích được GV lựa chọn cao nhất liên quan trực tiếp đến sự thay đổi của HS về nhận thức (90,8% GV) và thái độ (88,3% GV). Sau đó là các lợi ích liên quan đến kỹ năng giải quyết vấn đề (82,2% GV) và làm việc nhóm/nghiên cứu (76,1% GV). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu về mục tiêu GDBVMT giúp HS được hiểu biết sâu sắc về môi trường và các vấn đề về môi trường từ khi còn nhỏ của một số tác giả trước đây (Nguyễn, 2024). Mặt khác, 59,5% GV xem đây là cơ hội đổi mới phương pháp dạy học. Với các kết quả này cho thấy, hầu hết GV đều đánh giá được chính xác lợi ích của tích hợp GDBVMT, đồng thời khi triển khai dạy học chính là cơ hội để thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy học, đáp ứng được mục tiêu của giáo dục.

c) Nhận thức của GV về mức độ quan trọng tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường

Bảng 1. Kết quả khảo sát GV về mức độ quan trọng tích hợp GDBVMT

Mức độ đánh giá	Rất quan trọng	Quan trọng	Phân vân	Không quan trọng	Rất không quan trọng	ĐTB	ĐLC
Số lượng GV	97	62	4	0	0	4,57	0,54
Tỉ lệ %	59,5	38,0	2,5	0	0		

Kết quả khảo sát về tầm quan trọng của dạy học tích hợp GDBVMT cho thấy sự đồng thuận gần như tuyệt đối từ phía GV về mức độ quan trọng với ĐTB là 4,57 và ĐLC là 0,54. Cụ thể, 97,5% GV đánh giá việc tích hợp là rất quan trọng (59,5%) hoặc quan trọng (38,0%), cho thấy hầu hết GV đã thực hiện đúng theo các yêu cầu về tích hợp GDBVMT theo các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được triển khai ở tiểu học trong nhiều năm. Tuy nhiên, trong đó vẫn còn 2,5% GV chỉ chọn ở mức phân vân, điều này đã chỉ ra rằng một số GV chưa thực sự đánh giá đúng mức độ quan trọng của việc tích hợp GDBVMT. Nguyên nhân của kết quả này là do một số ít GV chưa thực sự đầu tư vào việc tích hợp GDBVMT hoặc có thể xem đây là nội dung phụ trợ. Do đó, GV cần được tăng cường tập huấn và hỗ trợ để nâng cao nhận thức và năng lực thực hiện.

4.1.2. Thực trạng triển khai tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường trong dạy học

a) Mức độ thường xuyên tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường của GV trong dạy học

Nghiên cứu khảo sát GV về mức độ thường xuyên tích hợp GDBVMT, thu được kết quả trong bảng 4.

Bảng 2. Kết quả khảo sát GV về mức độ thường xuyên tích hợp GDBVMT trong dạy học

Mức độ đánh giá	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ	ĐTB	ĐLC
Số lượng GV	29	64	55	14	1	3,65	0,89
Tỉ lệ %	17,8	39,3	33,7	8,6	0,6		

Kết quả ở Bảng 4 cho thấy phần lớn GV đã thực hiện tích hợp GDBVMT trong dạy học với mức độ từ “thỉnh thoảng” đến “rất thường xuyên”. Trong đó, 39,3% GV tích hợp ở mức “thường xuyên” và 17,8% ở mức “rất thường xuyên”, phản ánh xu hướng quan tâm và triển

khai tương đối tích cực của GV về việc lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường trong dạy học. Tuy nhiên, vẫn còn 9,2% GV “hiếm khi” hoặc “chưa bao giờ” tích hợp GDBVMT, cho thấy sự chưa đồng đều trong triển khai. Vì vậy, GV cần được bồi dưỡng về cách xác định nội dung tích hợp, lựa chọn phương pháp phù hợp và tổ chức hoạt động học tập gắn với thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả GDBVMT cho HS.

b) Nội dung GV triển khai khi dạy học tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường

Khảo sát nội dung mà GV triển khai khi tích hợp GDBVMT, nghiên cứu thu được kết quả trong bảng 5.

Bảng 3. Kết quả khảo sát GV về nội dung GV triển khai khi tích hợp GDBVMT

Nội dung	Số lượng GV	Tỉ lệ %
Kiến thức – Cung cấp thông tin, khái niệm về môi trường và bảo vệ môi trường	10	6,1
Kĩ năng – Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, giải quyết vấn đề về môi trường	16	9,8
Thái độ – Hình thành thái độ tích cực, yêu thiên nhiên, có trách nhiệm với môi trường	23	14,1
Hành động – HS thực hiện được hành động bảo vệ môi trường thực tế như giữ gìn vệ sinh, trồng cây, thu gom và phân loại rác, tiết kiệm nước...	114	69,9

Kết quả trong bảng 5 cho thấy nội dung được 69,9% GV ưu tiên tích hợp GDBVMT là hành động thực tế của HS. Các nội dung về thái độ (14,1% GV) và kĩ năng (9,8% GV) và kiến thức (6,1% GV) được quan tâm ở mức thấp hơn. Như vậy, việc tích hợp GDBVMT trong thực tế của GV đang đi theo định hướng thực hành, trải nghiệm thay vì chỉ truyền thụ kiến thức, kĩ năng, thái độ. Các nội dung này khá phù hợp với mục tiêu GDBVMT ở tiểu học là HS thực hiện được các hành động bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, việc lựa chọn nội dung dạy học này cho thấy sự thiếu đồng bộ trong việc xây dựng khung nội dung: kiến thức - kĩ năng - thái độ - hành động.

c) Mức độ sử dụng các phương pháp dạy học tích hợp GDBVMT

Nghiên cứu khảo sát về mức độ sử dụng các phương pháp dạy học khi tích hợp GDBVMT. Kết quả được trình bày trong bảng 6.

Bảng 4. Kết quả khảo sát GV về mức độ sử dụng các phương pháp dạy học tích hợp GDBVMT

Phương pháp dạy học	Tỉ lệ mức độ đánh giá (%)					ĐTB	ĐLC
	Rất phù hợp	Khá phù hợp	Phù hợp	Không phù hợp	Rất không phù hợp		
Phương pháp trực quan	54,6	20,2	24,5	0,0	0,6	4,28	0,88
Phương pháp thí nghiệm khoa học	30,7	27,6	31,3	9,8	0,6	3,68	1,01
Phương pháp Bàn tay nặn bột	25,1	27,0	44,8	2,5	0,6	3,41	0,88
Phương pháp điều tra	46,6	23,3	26,4	3,1	0,6	3,81	0,96
Phương pháp đóng vai	25,8	24,5	41,7	7,4	0,6	3,62	0,91
Phương pháp kể chuyện	14,1	19,6	47,9	17,8	0,6	3,33	0,92
Phương pháp dạy học hợp tác	44,2	22,1	31,9	1,2	0,6	3,90	0,98

Kết quả bảng 6 cho thấy phương pháp trực quan được GV sử dụng nhiều nhất với ĐTB là 4,28 và ĐLC là 0,88. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với thực tế dạy học, khi triển khai GDBVMT về kiến thức, kỹ năng hay thái độ, GV thường sử dụng nhiều phương tiện dạy học như video clip, tranh ảnh, ... minh họa cho HS. Với các phương pháp dạy học điều tra, thí nghiệm khoa học, bàn tay nặn bột là những phương pháp dạy học sử dụng chủ yếu trong việc khám phá kiến thức về GDBVMT cũng được GV lựa chọn ở mức khá phù hợp với ĐTB từ 3,81 đến thấp hơn 3,41. Riêng với phương pháp thí nghiệm khoa học được GV lựa chọn có độ phân tán cao hơn với ĐLC lớn hơn 1 có thể do trong thực tế việc triển khai các thí nghiệm liên quan đến GDBVMT đòi hỏi các điều kiện về cơ sở vật chất nhưng nhiều trường tiểu học chưa đáp ứng được. Phương pháp dạy học đóng vai giúp cho HS sử dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ để giải quyết các vấn đề về bảo vệ môi trường được GV lựa chọn ở mức khá phù hợp. Mặt khác, phương pháp kể chuyện có thể sử dụng linh hoạt khi cung cấp kiến thức, kỹ năng cho HS về GDBVMT cũng được GV đánh giá là phù hợp. Với phương pháp dạy học hợp tác được GV lựa chọn ở mức khá phù hợp với ĐTB cao nhất là 3,9 cho thấy HS cần phải hợp tác cùng nhau khi tham gia các hoạt động học tập, đặc biệt là các nhiệm vụ cần sự hỗ trợ khi đóng vai, điều tra, thí nghiệm, ... Như vậy, với kết quả trong bảng 6 cho thấy, hầu hết GV đã lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp tích hợp GDBVMT.

4.1.3. Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường theo phương pháp dạy học dựa trên dự án cho học sinh lớp 4

a) Mức độ phù hợp của dạy học dựa trên dự án giáo dục bảo vệ môi trường cho HS lớp 4

Với câu hỏi đánh giá mức độ phù hợp của dạy học dựa trên dự án trong GDBVMT, nghiên cứu thu được kết quả khảo sát trong bảng 7.

Bảng 7. Kết quả khảo sát GV về mức độ phù hợp của dạy học dựa trên dự án GDBVMT

Mức độ đánh giá	Rất phù hợp	Khá phù hợp	Phù hợp	Không phù hợp	Rất không phù hợp	ĐTB	ĐLC
Số lượng GV	84	46	33	0	0	4,31	0,79
Tỉ lệ %	51,5	28,2	20,2	0	0		

Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn GV đánh giá PPDHDA trong tích hợp GDBVMT ở lớp 4 ở mức rất phù hợp với ĐTB = 4,31 và ĐLC = 0,79. Điều này chứng tỏ phương pháp không chỉ đáp ứng được mục tiêu giáo dục môi trường mà còn phù hợp với đặc điểm tâm lý, năng lực nhận thức và sở thích học tập của HS tiểu học. Các GV đều cho rằng việc vận dụng dạy học dự án giúp HS có trải nghiệm thực tế, khám phá vấn đề môi trường gần gũi hơn và đề xuất được giải pháp cụ thể cho môi trường. Đồng thời, phương pháp này còn góp phần phát triển ở người học các năng lực cốt lõi như làm việc tự lực, sáng tạo, giải quyết vấn đề phức hợp, tinh thần trách nhiệm và khả năng cộng tác (Thặng, 2021).

b) Mức độ thường xuyên tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường theo phương pháp dạy học dự án cho HS lớp 4

Khảo sát GV về mức độ thường xuyên sử dụng PPDHDA trong dạy học tích hợp GDBVMT cho HS lớp 4, kết quả thu được trong bảng 8.

Bảng 8. Kết quả khảo sát GV về mức độ tích hợp GDBVMT theo PPDHDA cho HS lớp 4

Mức độ đánh giá	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ	ĐTB	ĐLC
Số lượng GV	21	42	46	50	4	3,16	1,07
Tỉ lệ %	12,9	25,7	28,2	30,7	2,5		

Kết quả khảo sát về mức độ tích hợp GDBVMT thông qua phương pháp PPDHDA ở khối lớp 4 có ĐTB đạt 3,16, cho thấy phần lớn GV đã thực hiện tích hợp ở mức độ thường xuyên, cụ thể có 66,8% GV triển khai từ mức "thỉnh thoảng" trở lên. Trong đó, tỉ lệ thực hiện thỉnh thoảng (2-3 dự án/năm) chiếm 28,2%; thường xuyên chiếm 25,7% (3-4 dự án/năm) và rất thường xuyên chiếm 12,9% (4-5 dự án/năm). Sự chuyển biến tích cực này xuất phát từ việc GDBVMT đã trở thành nội dung bắt buộc trong Chương trình GDPT 2018. Đa số GV đều nhận thức được tầm quan trọng của việc hình thành thái độ và hành vi bảo vệ môi trường cho HS ngay từ bậc tiểu học. Tính mở của chương trình mới cũng tạo điều kiện thuận lợi để GV áp dụng PPDHDA, giúp HS học qua trải nghiệm và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Khi dạy học môn Khoa học 4, có một số GV đã triển khai tích hợp GDBVMT thông qua dự án "Góc xanh lớp em" trong bài Chăm sóc cây trồng và vật nuôi. Trong dự án này, HS thực hiện trồng và chăm sóc cây xanh tại lớp học hoặc tại nhà; theo dõi sự sinh trưởng của cây thông việc quan sát và ghi chép định kì. Sản phẩm dự án có thể được trình bày dưới dạng nhật kí chăm sóc cây hoặc báo cáo nhóm. Kết quả cho thấy hoạt động này góp phần tạo hứng thú học tập, giúp HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bước đầu hình thành ý thức chăm sóc cây xanh, bảo vệ môi trường trong cuộc sống hằng ngày. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai vẫn còn một số hạn chế như thời gian theo dõi cây khá dài, có sự khác biệt về điều kiện và việc duy trì hoạt động chăm sóc cây giữa các HS chưa thật sự hiệu quả. Bên cạnh đó, vẫn còn khoảng 30,7% GV hiếm khi thực hiện (1-2 dự án/năm) và 2,5% GV chưa bao giờ tích hợp. Điều này phản ánh rằng, một bộ phận không nhỏ GV vẫn đang gặp khó khăn trong việc chuyển đổi từ phương pháp truyền thống sang dạy học dựa trên trải nghiệm. Nguyên nhân chủ yếu là do PPDHDA yêu cầu nhiều về thời gian chuẩn bị cũng như kỹ năng thiết kế, tổ chức và điều phối hoạt động nhóm, tạo nên sự chênh lệch trong hiệu quả thực hiện giữa các GV.

4.1.4. Thuận lợi và khó khăn khi thực hiện dạy học tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường theo phương pháp dạy học dựa trên dự án cho học sinh lớp 4

a) Những thuận lợi

Kết quả khảo sát GV về những thuận lợi khi tích hợp GDBVMT bằng PPDHDA, nghiên cứu thu được kết quả trong bảng 9.

Bảng 9. Kết quả khảo sát GV về những thuận lợi khi tích hợp GDBVMT theo PPDHDA

Thuận lợi	Số lượng GV	Tỉ lệ %
Nội dung GDBVMT dễ tích hợp vào các bài học trong môn học theo PPDH dự án	136	83,4
HS chủ động, sáng tạo và hứng thú hơn khi tham gia các dự án học tập có tích hợp GDBVMT	140	85,9
Có tài liệu và học liệu hỗ trợ về tích hợp GDBVMT theo PPDH dự án	74	45,4
Nhận được sự hỗ trợ từ nhà trường/đồng nghiệp/PHHS	83	50,9
Thời lượng giảng dạy phù hợp để tích hợp GDBVMT theo PPDH dự án	49	30,1
Các hoạt động dự án dễ tổ chức và quản lí	49	30,1

Thuận lợi lớn nhất được đại đa số GV xác nhận là HS chủ động, sáng tạo và hứng thú hơn (85,9%) và nội dung GDBVMT dễ tích hợp vào môn Khoa học (83,4%). Kết quả này hoàn toàn phù hợp với thực tiễn, vì PPDHDA lấy người học làm trung tâm, giúp HS phát huy tính tích cực, chủ động nhiều hơn trong quá trình thực hiện dự án (Trịnh, 2011). Đặc biệt, chương trình ở tiểu học có nhiều sự tương thích cao với nội dung GDBVMT. Các môn học

như Khoa học, Đạo đức, Mĩ thuật hay Hoạt động trải nghiệm đều có nhiều chủ đề gắn với môi trường sống tạo điều kiện cho GV dễ dàng lồng ghép. Bên cạnh đó, có một số GV (50,9%) đã nhận được sự hỗ trợ từ nhà trường, các đồng nghiệp, PHHS và được cung cấp thêm các tài liệu, học liệu về tích hợp GDBVMT theo PPDHDA (45,4%) giúp cho việc triển khai thuận lợi hơn. Trên thực tế, nhiều trường học hiện nay đã chú trọng hơn đến việc xây dựng môi trường học tập thân thiện và đầu tư vào nguồn học liệu số phục vụ cho giảng dạy. Từ những kết quả trên có thể thấy, việc tích hợp GDBVMT theo PPDHDA đã mang lại nhiều tác động tích cực. Song, GV cần có sự linh hoạt hơn trong việc phân bổ thời gian giảng dạy và tăng cường bồi dưỡng kỹ năng tổ chức, quản lý dự án để góp phần nâng cao hiệu quả dạy học và phát triển năng lực cho HS.

b) Những khó khăn

Bảng 50. Kết quả khảo sát GV về những khó khăn khi dạy học tích hợp GDBVMT theo PPDHDA

Khó khăn	Số lượng GV	Tỉ lệ %
Thiếu tài liệu, học liệu về tích hợp GDBVMT theo PPDHDA	97	59,5
Thiếu thời gian để thiết kế và thực hiện các bài dạy tích hợp GDBVMT theo PPDHDA	141	86,5
GV chưa được tập huấn đầy đủ về dạy học tích hợp GDBVMT theo PPDHDA	76	46,6
Nội dung chương trình nặng, khó lồng ghép các nội dung tích hợp GDBVMT theo PPDHDA	74	45,4
Chưa có sự hỗ trợ từ phía nhà trường và phụ huynh	55	33,7

Kết quả khảo sát GV ở bảng 10 chỉ ra yếu tố thiếu thời gian là khó khăn lớn nhất khi triển khai dạy học tích hợp GDBVMT theo PPDHDA, với tỉ lệ 86,5% GV lựa chọn. Kết quả này hoàn toàn hợp lí vì trong dạy học, sử dụng PPDHDA đòi hỏi thời gian chuẩn bị và thực hiện dài hơn đáng kể so với phương pháp truyền thống. Bên cạnh đó, GV cũng gặp những khó khăn do thiếu tài liệu, học liệu chuyên biệt (59,5%). Các khó khăn khác như thiếu tập huấn, áp lực chương trình nặng và thiếu hỗ trợ từ nhà trường, phụ huynh HS cũng tồn tại, nhưng ở mức độ thấp hơn. Với những khó khăn trên, GV cần tập trung vào việc tối ưu hóa PPDHDA về mặt thời gian. Đồng thời, nhà trường cần có các hỗ trợ về mặt chuyên môn như cung cấp tài liệu và tập huấn chuyên sâu cho GV để khắc phục thiếu hụt nguồn lực và nâng cao kĩ năng triển khai, đảm bảo hiệu quả giáo dục.

4.2. Kết quả khảo sát học sinh

4.2.1. Nhận thức của học sinh

a) Nhận thức của HS về khái niệm môi trường

Nghiên cứu khảo sát 100 HS lớp 4 về khái niệm môi trường, kết quả thu được trong bảng 11.

Bảng 61. Kết quả khảo sát HS về khái niệm Môi trường

Khái niệm	Số lượng HS	Tỉ lệ %
Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên.	89	89,0

Môi trường là nơi có cây xanh và các sinh vật sinh sống.	8	8,0
HS chưa rõ.	3	3,0

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn học sinh (89,0%) đã nắm được khái niệm môi trường ở mức tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, vẫn còn 8,0% HS hiểu môi trường theo hướng phiến diện và 3,0% chưa xác định rõ khái niệm này. Điều đó cho thấy bên cạnh nhóm HS có nhận thức vững vàng, vẫn tồn tại một bộ phận còn mơ hồ về bản chất của môi trường. Nguyên nhân của kết quả này có thể xuất phát từ việc triển khai trong dạy học tích hợp các nội dung về môi trường của các GV trong khối lớp 4 chưa đồng đều. Kết quả này cũng khá phù hợp kết quả khảo sát GV về các nội dung GV chú trọng tích hợp GDBVMT trong bảng 5. Việc GV tập trung nhiều hơn vào các hành động bảo vệ môi trường của HS mà ít làm rõ các khái niệm liên quan đã tạo ra sự thiếu đồng bộ giữa nhận thức lý thuyết và hành vi thực tiễn của HS.

b) Nhận thức của HS về thực trạng môi trường hiện nay

Nghiên cứu tiếp tục tiến hành khảo sát nhận thức của HS về thực trạng môi trường sống hiện nay và kết quả thu được trong bảng 12.

Bảng 72. Nhận thức của HS về thực trạng môi trường hiện nay

Thực trạng môi trường hiện nay	Số lượng HS	Tỉ lệ %
Rất sạch	8	8,0
Bình thường	18	18,0
Bị ô nhiễm	74	74,0

Kết quả khảo sát tại bảng 12 cho thấy phần lớn HS (74,0%) nhận định môi trường đang bị ô nhiễm và một số HS lựa chọn môi trường rất sạch (8%) và bình thường (18%) là khách quan và phù hợp. Điều này chứng tỏ HS có khả năng quan sát và nhận diện các dấu hiệu ô nhiễm trực quan như khói bụi, rác thải tại khu vực sinh sống và học tập, đặc biệt là tại bối cảnh đô thị như Thành phố Hồ Chí Minh. Nhận định này cũng phù hợp với báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2023, trong đó chỉ rõ áp lực ô nhiễm nghiêm trọng từ việc xả thải rác sinh hoạt ở nông thôn và hàng chục triệu tấn chất thải rắn, phụ phẩm cùng chất thải nhựa từ nông nghiệp (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2023).

4.2.2. Hành động bảo vệ môi trường của học sinh

a) Các hành động bảo vệ môi trường

Nghiên cứu tiến hành khảo sát về những hành động bảo vệ môi trường của HS lớp 4 tại trường TH-THCS-THPT Nam Mỹ, kết quả thu được như bảng 13.

Bảng 83. Kết quả khảo sát HS về những hành động bảo vệ môi trường

Những hành động bảo vệ môi trường	Số lượng HS	Tỉ lệ %
Bỏ rác đúng nơi quy định	98	98,0
Tưới nước cho cây	89	89,0
Đốt rác bừa bãi	0	0,0
Sử dụng túi vải thay vì túi nilon	82	82,0
Vứt pin đã dùng vào ao hồ	0	0,0

Kết quả trong Bảng 13 cho thấy nhiều HS cho biết đã thực hiện một số hành động bảo vệ môi trường cơ bản như bỏ rác đúng nơi quy định (98%), tưới nước cho cây (89%) và sử dụng túi vải thay cho túi nilon (82%). Đồng thời, không có HS lựa chọn các hành động gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường như đốt rác bừa bãi hoặc vứt pin đã qua sử dụng xuống ao,

hồ. Các số liệu này bước đầu phản ánh xu hướng tích cực trong nhận thức và hành động bảo vệ môi trường của HS. Tuy nhiên, để đánh giá đầy đủ và khách quan hơn mức độ thực hiện các hành vi này, cần kết hợp với quá trình quan sát và nhận xét của GV trong quá trình học tập và sinh hoạt của HS.

b) Mức độ thường xuyên thực hiện hành động bảo vệ môi trường

Với câu hỏi đánh giá về mức độ thường xuyên nhặt rác, giữ gìn vệ sinh nơi ở của HS, nghiên cứu ghi nhận được kết quả trong bảng 14.

Bảng 14. Kết quả khảo sát HS về mức độ giữ gìn vệ sinh nơi ở

Mức độ đánh giá	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ	ĐTB	ĐLC
Số lượng HS	37	52	6	5	3,21	0,77
Tỉ lệ %	37,0	52,0	6,0	5,0		

Kết quả khảo sát trong bảng 14 cho thấy đa số HS có ý thức tham gia vào hoạt động này, song mức độ thực hiện của HS còn chưa ổn định. Cụ thể, 89% HS có thực hiện hành vi giữ gìn vệ sinh nơi ở ở mức rất thường xuyên (37%) và mức thường xuyên (52%). Điều này cho thấy HS đang dần hình thành ý thức bảo vệ môi trường từ chính không gian sinh hoạt hằng ngày của mình. Đây là tín hiệu tích cực, tạo nền tảng để các em mở rộng những hành vi này ở phạm vi trường học và môi trường xung quanh. Tuy nhiên, vẫn còn 11% HS chỉ thực hiện ở mức thỉnh thoảng hoặc không bao giờ, cho thấy thói quen này chưa thật sự ổn định và cần tiếp tục được củng cố thông qua các hoạt động giáo dục phù hợp.

Bảng 95. Kết quả khảo sát HS về mức độ phân loại rác ở nhà/ở trường

Mức độ đánh giá	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ	ĐTB	ĐLC
Số lượng HS	40	18	34	8	3,21	0,77
Tỉ lệ %	40,0	18,0	34,0	8,0		

Kết quả khảo sát HS thu được trong bảng 15 cho thấy rằng mức độ phân loại rác ở nhà/ở trường của HS tương đối cao. Với tỉ lệ 58% HS thực hiện phân loại rác mức độ rất thường xuyên và thường xuyên thể hiện ý thức tốt về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ đáng kể (34%) chỉ thực hiện ở mức độ thỉnh thoảng, cho thấy thói quen này chưa thực sự được duy trì một cách liên tục và ổn định. Ngoài ra, 8% HS cho biết "Không bao giờ thực hiện" là nhóm cần được quan tâm hơn thông qua các hoạt động thực hành để củng cố nhận thức và hình thành thói quen sống tích cực.

c) Sở thích và mong muốn của HS về bài học liên quan đến BVMT

Nghiên cứu khảo sát về sở thích của HS về các bài học liên quan đến bảo vệ môi trường, kết quả thể hiện trong bảng 16 và bảng 17.

Bảng 106. Kết quả khảo sát HS về mức độ yêu thích các bài học về bảo vệ môi trường

Mức độ đánh giá	Rất thích	Thích	Bình thường	Không thích	ĐTB	ĐLC
Số lượng HS	61	31	7	1	3,52	0,67
Tỉ lệ %	61,0	31,0	7,0	1,0		

Kết quả ở bảng 16 cho thấy 92,0% HS yêu thích các bài học về bảo vệ môi trường trong môn Khoa học, với 61,0% "rất thích" và 31,0% "thích", với ĐTB là 3,52 và ĐLC là 0,67 thể hiện mức độ yêu thích cao và khá đồng đều giữa các HS. Kết quả này cho thấy các nội dung trong bài học về bảo vệ môi trường của GV khá hấp dẫn, gần gũi với đời sống, mang tính trải

nghiệm và giáo dục, giúp HS nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của bản thân và từ đó có hành vi tích cực trong việc bảo vệ môi trường.

Bảng 17. Kết quả khảo sát hoạt động HS yêu thích trong các bài học bảo vệ môi trường

Hoạt động yêu thích trong các bài học về môi trường	Số lượng HS	Tỉ lệ %
Quan sát tranh ảnh/video về môi trường	44	44,0
Thảo luận nhóm	11	11,0
Vẽ tranh bảo vệ môi trường	58	58,0
Tuyên truyền bảo vệ môi trường	19	19,0
Làm sản phẩm tái chế	48	48,0
Làm dự án bảo vệ môi trường	1	1,0
Làm poster bảo vệ môi trường	2	2,0

Kết quả khảo sát trong bảng 17 cho thấy phần lớn HS có xu hướng yêu thích các hoạt động trực quan, sáng tạo và thực hành như vẽ tranh bảo vệ môi trường (58%), làm sản phẩm tái chế (48%) và quan sát tranh ảnh/video (44,0%). Điều này cho thấy HS hứng thú với các hoạt động học tập mang tính sáng tạo, trực quan và thực hành, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi tiểu học. Vì vậy, GV nên ưu tiên tổ chức các hoạt động có sản phẩm cụ thể và sử dụng phương tiện trực quan để nâng cao hiệu quả GDBVMT. Trong khi đó, hoạt động tuyên truyền (19,0%) và thảo luận nhóm (11,0%) được HS quan tâm ít hơn. Nguyên nhân có thể do những hoạt động này đòi hỏi khả năng ngôn ngữ, lập luận và tư duy trừu tượng cao hơn, chưa thật sự phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhận thức của HS tiểu học.

Nghiên cứu khảo sát mong muốn của HS về nội dung học tập về giáo dục môi trường ở các bài học tiếp theo, thu được kết quả chi tiết trong bảng 18.

Bảng 118. Kết quả khảo sát mong muốn của HS về nội dung học tập trong bài học tiếp theo về môi trường

Nội dung học tập	Số lượng HS	Tỉ lệ %
Hành động và đưa ra giải pháp bảo vệ môi trường	43	43,0
Mở rộng kiến thức về đa dạng sinh học	20	20,0
Các hoạt động sáng tạo và tuyên truyền	24	24,0
Hiện trạng về môi trường và nguyên nhân gây ra	13	13,0

Từ kết quả khảo sát trong bảng 18, có thể thấy HS mong muốn các bài học tiếp theo về bảo vệ môi trường tăng cường hoạt động thực tiễn, giúp các em đề xuất và thực hiện giải pháp cụ thể để bảo vệ môi trường (43,0%). Ngoài ra, một số HS cũng quan tâm đến hoạt động sáng tạo, tuyên truyền (24,0%) và mở rộng hiểu biết sinh thái (20,0%). Kết quả này cho thấy GV nên lồng ghép nhiều hoạt động mang tính trải nghiệm và hành động thực tiễn vào các tiết học về bảo vệ môi trường, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập đa dạng của HS.

Kết quả khảo sát cho thấy GV đã có sự quan tâm nhất định đến việc tích hợp GDBVMT trong dạy học, trong đó một số GV bước đầu vận dụng PPDHDA gắn nội dung bài học với các vấn đề môi trường trong thực tiễn. HS nhìn chung có nhận thức cơ bản về môi trường và bước đầu hình thành một số hành vi tích cực trong giữ gìn, bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, việc triển khai của GV còn chưa đồng đều; mức độ vận dụng PPDHDA còn hạn chế do khó khăn về thời gian tổ chức, học liệu và kinh nghiệm hướng dẫn HS thực hiện dự án. Điều này cho

thấy GDBVMT trong nhà trường tiểu học đã được quan tâm nhưng vẫn cần có những giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả triển khai trong thực tiễn.

5. Kết luận và kiến nghị

5.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu về thực trạng tích hợp GDBVMT theo PPDHDA đã chỉ ra GV đã nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của GDBVMT, thường xuyên lồng ghép nội dung này vào quá trình giảng dạy và đánh giá cao tác dụng và sự phù hợp của phương pháp dạy học dự án trong việc phát triển năng lực, phẩm chất cho HS. Tuy nhiên, việc triển khai vẫn còn gặp khó khăn về thời gian tổ chức, tài liệu và kỹ năng của HS còn hạn chế song phương pháp này vẫn thể hiện tính khả thi cao và phù hợp với định hướng giáo dục phát triển năng lực, phẩm chất cho HS theo Chương trình GDPT 2018. Về phía HS đã thể hiện thái độ tích cực, hứng thú cao và mong muốn được tham gia nhiều hơn vào các hoạt động học tập gắn với thực hành và trải nghiệm thực tế.

5.2. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, nhằm nâng cao hiệu quả GDBVMT cho HS tiểu học thông qua PPDHDA, một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, GV cần lựa chọn nội dung tích hợp GDBVMT phù hợp với mục tiêu bài học và yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Bên cạnh đó, GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực, trong đó PPDHDA là một hướng tiếp cận phù hợp tạo cơ hội cho HS tìm hiểu, trải nghiệm và đề xuất giải pháp đối với các vấn đề môi trường.

Thứ hai, GV cần tự bồi dưỡng chuyên môn về thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động dạy học theo dự án, đặc biệt là các hình thức tích hợp GDBVMT trong dạy học tiểu học.

Thứ ba, nhà trường cần điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất và khuyến khích GV triển khai các dự án học tập tích hợp GDBVMT gắn với thực tiễn và thực hành bảo vệ môi trường trong khuôn viên trường, tại gia đình hoặc trong cộng đồng. Đồng thời, cần thúc đẩy sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng nhằm tạo môi trường thuận lợi để HS hình thành và duy trì các hành vi bảo vệ môi trường trong đời sống hằng ngày.

Tài liệu tham khảo

- Boca, G. D. (2019). Environmental Education and Student's Perception. *11*(6). <https://doi.org/https://doi.org/10.3390/su11061553>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Khoa học, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT*.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường & Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). *Chương trình phối hợp về công tác bảo vệ môi trường giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2019–2025; số 01/CTrPH-BTNMT-BGDĐT, ngày 08 tháng 5 năm 2019*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022). *Quyết định số 2718/QĐ-BGDĐT, ban hành ngày 21 tháng 09 năm 2022 về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ bảo vệ môi trường của Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra tuyển chọn thực hiện từ năm 2023*.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2023). *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2023*. Hà Nội: NXB Dân Trí.
- Đặng, T. M. (2023). Vận dụng phương pháp dạy học theo dự án trong phát huy năng lực sáng tạo thẩm mỹ của sinh viên. *Journal of Education Management*, 114-120.

- Hoàng, A. Đ. (2019). *Tổng quan về Học tập qua dự án*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Lê, N. H. (2015). Dạy học tích hợp nội dung giáo dục môi trường trong môn Lịch sử - Địa lí lớp 4 tại trường tiểu học Trần Quốc Toàn thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 39(C), 23-31.
- N.C. Department of Environment and Natural Resources. (2014). *Methods of Teaching Environmental Education Participant's Guide*. North Carolina: Methods of Teaching Environmental Education Workshop.
- Nandini. (2021). *Environmental Education*. Laxmi Book Publication.
- Nguyen, D. N. (2024). Applying project-based learning to educate primary school students on environmental protection. *Educational Sciences*, 69(4), 97-108. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2024-0067>.
- Nguyễn, M. G., & Hoàng, T. T. (2013). Giáo dục môi trường cho học sinh lớp 5 bằng phương pháp dạy học theo dự án. *Tạp chí Khoa học ĐHSPTP HCM*, 50, 162-175.
- Nguyễn, T. Đ., & Bùi, T. N. (2023). Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở cấp Tiểu học. *Tạp chí Giáo dục*, 23(7), 30-35.
- Staniskis, J. K. (2007). An integrated approach to environmental education and research: A case study. *International Journal of Engineering Education*, 23(6), 1141–1150.
- Thặng, C. T. (2021). Vận dụng dạy học dự án trong dạy học môn Khoa học tự nhiên và môn Hóa học ở trường trung học phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học sinh. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, 13-22.
- Trịnh, V. B. (2011). Dạy học dự án – Từ lí luận đến thực tiễn. *Tạp chí Khoa học ĐHSPTP HCM*, 28, 3-12. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.28.1318\(2011\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.28.1318(2011)).
- United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization. (1978). *Intergovernmental Conference on Environmental Education*. Tbilisi (USSR): UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000032763>.